

ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG

TP. HỒ CHÍ MINH NGÀY 28 THÁNG 07 NĂM 2025

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA.....	4
Điều 1. Các định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công Ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh.....	8
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ Phần, Cổ Đông Sáng Lập.....	10
Điều 6. Cổ Phiếu, Sổ đăng ký Cổ Đông và các chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 7. Chào bán và Chuyển nhượng Cổ Phần.....	12
Điều 8. Cổ Đông yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần.....	13
Điều 9. Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty.....	13
Điều 10. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ Phần được mua lại.....	14
Điều 11. Trả Cổ Tức.....	14
Điều 12. Thu hồi Cổ Phần, tiền thanh toán Cổ Phần mua lại hoặc cổ tức.....	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ.....	15
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 14. Quyền của Cổ Đông.....	16
Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ Đông.....	17
Điều 16. Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	17
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	19
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền.....	20
Điều 19. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	21
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	22
Điều 21. Thể thức họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	22
Điều 22. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	24
Điều 24. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	24
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	26
Điều 28. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.....	28
Điều 29. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC.....	32
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc.....	32
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 32. Thành viên Ban Kiểm Soát.....	33
Điều 33. Ban Kiểm Soát.....	35

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC.....	36
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng	36
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	37
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 38. Phân phối lợi nhuận.....	38
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	38
Điều 39. Tài khoản ngân hàng, Quỹ dự trữ	38
Điều 40. Năm Tài Chính.....	39
Điều 41. Chế độ kế toán.....	39
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 42 . Báo Cáo Tài Chính.....	39
Điều 43. Báo cáo thường niên	39
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	40
Điều 44. Kiểm toán	40
XVI. CON DẤU	40
Điều 45. Con dấu	40
XVII. TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 46. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức Công Ty.....	40
Điều 47. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 48. Thanh lý	40
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ	42
XX. HIỆU LỰC.....	42
Điều 51. Hiệu lực của Điều lệ.....	42
PHỤ LỤC.....	44

I. ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Các định nghĩa

1.1. Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) “**Công Ty Liên Kết**” của bất kỳ bên nào có nghĩa là bất kỳ Công Ty Con hoặc Công Ty Mẹ của bên đó và các Công Ty Con khác của Công Ty Mẹ đó, và các pháp nhân khác mà bên đó có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công Ty Con hoặc liên doanh của bên đó, trong mỗi trường hợp tùy từng thời điểm;
- (b) “**Công Ty Kiểm Toán**” có nghĩa là: một Công Ty Kiểm Toán công độc lập, sẽ là một trong bốn Công Ty Kiểm Toán sau: Deloitte Touche Tohmatsu, PricewaterhouseCoopers, KPMG và Ernst & Young;
- (c) “**Ngày Làm Việc**” là các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu, trừ các ngày nghỉ lễ, nghỉ bù theo quy định của nhà nước Việt Nam;
- (d) “**Điều Lệ**” hoặc “**Điều Lệ Sửa Đổi**” có nghĩa là văn bản này, bao gồm toàn bộ các phụ lục và phụ đính kèm theo, được sửa đổi vào từng thời điểm;
- (e) “**Vốn Điều Lệ**” là số vốn do các thành viên, Cổ Đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và quy định tại Điều 5 của Điều Lệ;
- (f) “**Ngày Thành Lập**” là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- (g) “**VND**” hay “**Đồng**” có nghĩa là đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- (h) “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều Lệ này;
- (i) “**Quyền Của Bên Thứ Ba**” có nghĩa là bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp của bất cứ người nào (bao gồm cả quyền mua, quyền chọn hoặc quyền ưu tiên mua trước hoặc chuyển đổi) hoặc bất kỳ biện pháp thế chấp, đòi thanh toán, cầm cố, cầm giữ, chuyển nhượng, thế nợ, quyền lợi được bảo đảm, việc chuyển nhượng quyền sở hữu nào hoặc bất cứ thỏa thuận hoặc thu xếp bảo đảm nào khác, hoặc bất kỳ thỏa thuận nào xác lập bất kỳ quyền nào trong những quyền nói trên;
- (j) “**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa là các Báo Cáo Tài Chính đã kiểm toán hoặc các Báo Cáo Tài Chính chưa kiểm toán trong trường hợp các Báo Cáo Tài Chính đã kiểm toán chưa được công bố hoặc chưa có cho kỳ kế toán liên quan;

- (k) **“Năm Tài Chính”** có nghĩa là, liên quan đến bất kỳ chủ thể nào, Năm Tài Chính của chủ thể đó bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 của cùng năm dương lịch;
- (l) **“VAS”** có nghĩa là Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, dùng để chỉ tập hợp các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi và đang được áp dụng thống nhất trong phạm vi tài phán của Việt Nam;
- (m) **“Luật Doanh Nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm;
- (n) **“Luật Chứng Khoán”** có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm;
- (o) **“Người Quản Lý Doanh Nghiệp”** là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công Ty xác lập giao dịch của Công Ty theo Điều Lệ Công Ty;
- (p) **“Giao dịch với Bên Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được xác lập và giao kết giữa Công Ty và một trong những người sau đây:
- i. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;
 - ii. Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng của Công Ty;
 - iii. Thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty;
 - iv. Cổ Đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của Công Ty và những Người Có Liên Quan của họ;
 - v. Doanh nghiệp mà: (i) có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác của Công Ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; (ii) hoặc những Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ; và
 - vi. Bất kỳ Người Có Liên Quan nào của bất kỳ người nào nêu tại mục i. đến mục iii.
- (q) **“Người Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng Khoán, cụ thể bao gồm:

- i. Khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp: Người Có Liên Quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
- i1. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty mẹ;
 - i2. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - i3. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - i4. Người Quản Lý Doanh Nghiệp, người đại diện theo pháp luật và Kiểm soát viên;
 - i5. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người Quản Lý Doanh Nghiệp, người đại diện theo pháp luật hoặc Cổ Đông sở hữu Cổ Phần chi phối;
 - i6. Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm i1, i2, i3, i4 và i5 khoản này;
 - i7. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm i1, i2, i3, i4, i5, i6 và i8 khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - i8. Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, Cổ Phần hoặc lợi ích ở Công Ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công Ty.
- ii. Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng Khoán: Người Có Liên Quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- ii1. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - ii2. Doanh nghiệp và bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó ;
 - ii3. Tổ chức hoặc cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- ii4. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - ii5. Công ty mẹ, công ty con; và
 - ii6. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- (r) **“Cổ Đông”** có nghĩa là các chủ sở hữu hoặc (các) cổ đông của Công Ty và bất kỳ chủ sở hữu Cổ Phần nào khác của Công Ty vào từng thời điểm;
 - (s) **“Cổ Phần”** có nghĩa là các Cổ Phần phổ thông của Công Ty;
 - (t) **“Công Ty Con”** có nghĩa là bất kỳ Công Ty nào hiện đang hoặc sau này sẽ thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Công Ty;
 - (u) **“USD”** hay **“Đô La Mỹ”** có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ;
 - (v) **“Việt Nam”** là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; và
 - (w) **“Ban Tổng Giám Đốc”** nghĩa là các thành viên quản lý của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn, Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc được bổ nhiệm tùy từng thời điểm theo Điều Lệ này.
- 1.2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công Ty

- 2.1. Tên Công Ty
- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG**
 - Tên tiếng Anh: **VNG GROUP JSC**
 - Tên giao dịch: **VNG GROUP**
 - Tên viết tắt: **VNG GROUP**

- 2.2. Công Ty là Công Ty Cổ Phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2.3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 2.4. Đại diện theo pháp luật của Công Ty:
- 2.4.1 Người Đại diện theo pháp luật của Công Ty là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc, do Hội Đồng Quản Trị quyết định và được ghi nhận hợp lệ trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp cập nhật của Công Ty.
- Người Đại diện theo pháp luật của Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 2.4.2 Công Ty có thể có nhiều đại diện theo pháp luật do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc phân công, phân nhiệm giữa các đại diện theo pháp luật do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
- 2.5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.6. Công Ty hoạt động vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập, trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 47 Điều Lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh

- 3.1. Mục tiêu hoạt động: Công Ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc kinh doanh nhằm thu lợi nhuận; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các Cổ Đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước; và phát triển Công Ty ngày càng lớn mạnh.
- 3.2. Lĩnh vực kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (CPC 849)	6202
2.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyên nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810

3.	<p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</p> <p>Chi tiết: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu. (CPC 843); và dịch vụ thiết kế, tạo không gian và thời gian quảng cáo trên internet. (trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)</p>	6311
4.	<p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. - Cung cấp dịch vụ truy nhập internet (ISP). - Cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong bưu chính, viễn thông (OSP bưu chính, OSP viễn thông) (trừ bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp). - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. - Dịch vụ điện toán đám mây. - Dịch vụ nội dung thông tin số. - Dịch vụ viễn thông cộng thêm của dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet. <p>(Dịch vụ truy cập Internet IAS, không có hạ tầng mạng)</p> <p>(trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)</p>	6190
5.	<p>Quảng cáo</p> <p>Chi tiết: Quảng cáo thương mại (CPC 871)</p> <p><i>(Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quảng cáo thuốc lá và rượu; không được thực hiện hoạt động in ấn và phát hành các ấn phẩm)</i></p>	7310
6.	<p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Kinh doanh trò chơi điện tử.- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng (trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng) (CPC 964)</p>	9329 (Chính)
7.	<p>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (dịch vụ nhắn tin, dịch vụ PCS - Personal Communication Service) (Dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng)</p> <p>(trừ các hoạt động liên quan đến an ninh, hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)</p>	6399

8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hoá Chi tiết: đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi. (CPC 621) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4610
9.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm (CPC 849) (trừ các sản phẩm mà nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	6201
10.	Dịch vụ Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội; - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí); - Website thương mại điện tử bán hàng; - Sàn giao dịch thương mại điện tử.	6312
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
12.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
13.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
14.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

3.3 Ngành nghề kinh doanh của Công Ty có thể được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm mà không nhất thiết phải sửa đổi Điều Lệ này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công Ty có thể hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ này.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ Phần, Cổ Đông Sáng Lập

5.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 293.769.740.000 VNĐ (*bằng chữ: Hai trăm chín mươi ba tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn Đồng*). Mệnh giá của Cổ Phần là 10.000 (mười nghìn) VNĐ/Cổ Phần. Tổng số Cổ Phần của Công Ty là

29.376.974 Cổ Phần. Vốn Điều Lệ này có thể được điều chỉnh tùy từng thời điểm theo các thay đổi trong cơ cấu vốn của Công Ty.

- 5.2. Công Ty có thể tăng/giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3. Tên, địa chỉ, số lượng Cổ Phần và các chi tiết khác về Cổ Đông Sáng Lập được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều Lệ này.
- 5.4. Cổ Phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Nếu số Cổ Phần dự định phát hành không được các Cổ Đông đăng ký mua hết, số Cổ Phần còn lại sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quản lý. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số Cổ Phần đó cho Cổ Đông của Công Ty hoặc người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số Cổ Phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có chấp thuận khác.
- 5.5. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 5.6. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 5.7. **Giới hạn sở hữu nước ngoài.** Tất cả (i) Cổ Phần hoặc vốn chủ sở hữu khác trong Công ty, (ii) chứng khoán có thể chuyển đổi thành Cổ Phần, chứng khoán hoặc phần vốn cổ phần khác có quyền biểu quyết trong Công ty, và (iii) quyền chọn, chứng quyền hoặc các quyền khác để mua chứng khoán được quy định tại mục (i) và (ii), dù cố định hay dự phòng, đã đáo hạn hay chưa hoàn thành, theo hợp đồng, theo pháp luật, công bằng hoặc theo cách khác (gọi chung là Chứng Khoán Vốn) sẽ phải tuân theo các giới hạn sau:
 - (a) Trong mọi trường hợp, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa (FOL) của Công Ty không vượt quá tỷ lệ tối đa cho phép theo quy định của Pháp luật;
 - (b) Công Ty theo quyết định của mình sẽ từ chối tiến hành bất kỳ thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp phép theo luật định nào để tạo hiệu lực cho bất kỳ việc chuyển nhượng Cổ Phần hoặc Chứng Khoán Vốn hoặc các giao dịch khác có thể dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong Công Ty vượt quá mức FOL.

Điều 6. Cổ Phiếu, Sổ đăng ký Cổ Đông và các chứng chỉ chứng khoán khác

- 6.1. Một chứng chỉ do Công Ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số Cổ Phần của Công Ty được gọi là Cổ Phiếu.
- 6.2. Cổ Đông của Công Ty được cấp Cổ Phiếu tương ứng với số Cổ Phần và loại Cổ Phần sở hữu.

Cổ Phiếu phải có các nội dung theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

- 6.3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ Phần theo quy định của Công Ty, hoặc trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ Phần theo như quy định tại phương án phát hành Cổ Phần của Công Ty và Công Ty đã nhận được các phê chuẩn từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người sở hữu số Cổ Phần được cấp Cổ Phiếu. Người sở hữu Cổ Phần không phải trả cho Công Ty chi phí in Cổ Phiếu.
- 6.4. Trường hợp Cổ Phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu Cổ Phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Cổ Phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ Phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.
- 6.5. Sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty sẽ được lập và quản lý theo quy định pháp luật hiện hành tùy từng thời điểm.
- 6.6. Sổ đăng ký Cổ Đông phải có các nội dung chủ yếu và được lưu trữ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 6.7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 7. Chào bán và Chuyển nhượng Cổ Phần

- 7.1 Tất cả các Cổ Phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và pháp luật có quy định khác.
- 7.2 Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định về giá chào bán Cổ Phần của Công Ty. Giá chào bán Cổ Phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:
 - (a) Cổ Phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh cho những người không phải là Cổ Đông Sáng Lập;
 - (b) Cổ Phần chào bán cho tất cả Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ số Cổ Phần hiện có của họ ở Công Ty;
 - (c) Cổ Phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số tiền chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của các Cổ Đông đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết;
 - (d) Cổ Phần chào bán cho nhân viên Công Ty; và
 - (e) Các trường hợp khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.

- 7.3 Cổ Phần được xem là đã được Công Ty phát hành khi đã được thanh toán đầy đủ và những thông tin về người mua đã được ghi đúng, ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ Đông; kể từ thời điểm đó, người mua Cổ Phần trở thành Cổ Đông của Công Ty.
- 7.4 Trong trường hợp chỉ một số Cổ Phần trong Cổ Phiếu ghi tên được chuyển nhượng, Cổ Phiếu trước đó sẽ bị hủy bỏ và Công Ty sẽ phát hành Cổ Phiếu mới ghi số Cổ Phần còn lại.
- 7.5 Các điều kiện, phương thức và thủ tục để Công Ty chào bán Cổ Phần ra công chúng sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 7.6 Cổ Phần được phát hành theo Chương Trình Phát Hành Cổ Phiếu Cho Người Lao Động (ESOP) sẽ chịu các hạn chế chuyển nhượng theo quy định hiện hành của Luật Chứng Khoán và Chính Sách ESOP của Công Ty, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

Điều 8. Cổ Đông yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần

- 8.1 Cổ Đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình.
- 8.2 Yêu cầu đó phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên và địa chỉ của Cổ Đông, số lượng Cổ Phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu đó phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề đề cập tại Điều này.
- 8.3 Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với quy định và pháp luật hiện hành.

Điều 9. Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty

Theo quy định và pháp luật hiện hành, Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ các Cổ Phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

- 9.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại Cổ Phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 9.2 Tuân theo các điều kiện của Điều 9.1, trong phạm vi pháp luật áp dụng hiện hành cho phép, Công Ty có toàn quyền quyết định mua lại toàn bộ số Cổ Phần của Cổ Đông là nhân viên hoặc từng là nhân viên của Công Ty, căn cứ theo Chính Sách ESOP của Công Ty tùy từng thời điểm.
- 9.3 Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định giá mua lại Cổ Phần.
- 9.4 Tuân theo các điều kiện của Điều 9.1, Công Ty có quyền mua lại Cổ Phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần từng Cổ Đông nắm giữ trong Công Ty. Thủ tục

mua lại Cổ Phần trong trường hợp này sẽ tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán và các sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

Điều 10. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ Phần được mua lại

- 10.1 Công Ty chỉ được quyền thanh toán các Cổ Phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Điều Lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 10.2 Tất cả các Cổ Phần được mua lại theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Điều Lệ này được coi là Cổ Phần chưa bán.
- 10.3 Cổ Phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được hủy bỏ ngay sau khi tiền mua số Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ.

Điều 11. Trả Cổ Tức

- 11.1 Công Ty chỉ có thể trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty kinh doanh có lãi, hoặc vào các thời điểm khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này của Công Ty; và nếu sau khi trả hết số cổ tức đó, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 11.2 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ Phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.
- 11.3 Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành theo quy định và pháp luật hiện hành về công ty đại chúng và các sửa đổi tùy từng thời điểm.
- 11.4 Nếu Cổ Phần được chuyển nhượng trong thời gian giữa thời điểm chốt danh sách Cổ Đông và thời điểm chi trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

Điều 12. Thu hồi Cổ Phần, tiền thanh toán Cổ Phần mua lại hoặc cổ tức

- 12.1 Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả khi mua Cổ Phần do Công Ty phát hành, Hội Đồng Quản Trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty.
- 12.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ Phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 12.3 Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi các Cổ Phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

- 12.4 Cổ Phần bị thu hồi được coi là các Cổ Phần được quyền chào bán. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối số Cổ Phần đó cho người đã nắm giữ Cổ Phần bị thu hồi hoặc cho tổ chức, cá nhân khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
- 12.5 Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những Cổ Phần đó kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị Cổ Phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 12.6 Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ Phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong quá trình gửi thông báo.
- 12.7 Việc thu hồi tiền thanh toán Cổ Phần mua lại hoặc cổ tức xảy ra trong hai trường hợp sau:
- (a) Nếu việc thanh toán Cổ Phần mua lại được tiến hành trái với quy định tại Điều 10; hoặc
 - (b) Nếu việc thanh toán cổ tức được tiến hành trái với quy định tại Điều 11.

Trong trường hợp đó, tất cả các Cổ Đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có Cổ Đông không hoàn trả số tiền hoặc tài sản đã nhận cho Công Ty thì Cổ Đông đó và thành viên Hội Đồng Quản Trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công Ty trong phạm vi giá trị của số tiền hoặc tài sản đã trả cho Cổ Đông mà chưa được hoàn lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý gồm:

- (a) Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Tổng Giám Đốc;
- (d) Ban Kiểm Soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của Cổ Đông

- 14.1 Cổ Đông là chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 14.2 Tùy theo các quy định tại Điều Lệ này, người nắm giữ Cổ Phần phổ thông có các quyền sau:
- (a) Tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến và thực hiện quyền biểu quyết điện tử phù hợp với các quy định, quy chế của Công Ty;
 - (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Tự do chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định tại Điều Lệ này và pháp luật hiện hành;
 - (d) Được ưu tiên mua Cổ Phần mới chào bán hoặc các loại chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - (e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia Đại Hội Đồng Cổ Đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (g) Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần góp vốn vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần ưu đãi hoàn lại của Công Ty, nếu có, theo quy định của pháp luật;
 - (h) Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần trong các trường hợp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này; và
 - (i) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và pháp luật.
- 14.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số Cổ Phần phổ thông có các quyền sau:
- (a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban

Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

- (b) Yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các quy định tại Điều 115.3 Luật Doanh Nghiệp;
 - (c) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật;
 - (d) Các quyền khác được quy định bởi pháp luật hiện hành và Điều Lệ này.
- 14.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 115.5 Luật Doanh Nghiệp và các quy định hiện hành, và các sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

Điều 15. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

- 15.1 Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.
- 15.2 Thanh toán tiền mua Cổ Phần đã đăng ký mua với Công Ty trong thời hạn quy định bởi pháp luật hoặc theo cam kết cụ thể bằng văn bản.
- 15.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ Phần.
- 15.4 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
 - (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

Điều 16. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 16.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm được gọi là Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên và các đại hội khác được gọi là Đại Hội Đồng Cổ Đông Bất Thường. Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời

hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên không thể tiến hành trong khoảng thời gian này, Hội Đồng Quản Trị có thể gia hạn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính. Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- 16.2 Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến theo Quy chế họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Trực Tuyến đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tùy từng thời điểm.
- 16.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông Bất Thường trong các trường hợp sau:
- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - (b) Khi số thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên được pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều Lệ;
 - (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 14.3 Điều Lệ này yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản. Văn bản triệu tập này phải có các nội dung theo quy định của pháp luật;
 - (d) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Quản Lý Doanh Nghiệp cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 16.4 Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường:
- (a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong các trường hợp nêu tại Điều 16.3 (c), (d), (e);
 - (b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 16.4 (a) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
 - (c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 16.4 (b) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 16.3 (d) này có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp; và

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty hoàn lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

17.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền:

- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
- (b) Quyết định loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại được quyền chào bán, tỷ lệ chiết khấu hoặc giá chiết khấu Cổ Phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh;
- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
- (d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công Ty hoặc chi nhánh của Công Ty hoặc các giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán gần nhất của Công Ty;
- (e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
- (f) Thông qua Báo Cáo Tài Chính hàng năm;
- (g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi loại;
- (h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông Công Ty;
- (i) Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- (j) Thông qua báo cáo của Hội Đồng Quản Trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công Ty;
- (k) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát về quản lý Công Ty của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;
- (l) Thông qua số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
- (m) Lựa chọn Công Ty Kiểm Toán;
- (n) Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;

- (o) Thông qua báo cáo việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (p) Thông qua Công Ty hoặc các chi nhánh của Công Ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất được kiểm toán;
- (q) Chấp thuận giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 thi hành Luật Chứng Khoán, và các sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- (r) Thông qua các quy định nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;
- (s) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại Cổ Phần;
- (t) Thông qua việc thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công Ty;
- (u) Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty như quy định tại Điều 13 của Điều Lệ Sửa Đổi này;
- (v) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ này và pháp luật.

17.2 Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- (a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 17.1 (d), (q) khi Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan tới Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng; và
- (b) Việc mua lại Cổ Phần của Cổ Đông hoặc của Người Có Liên Quan tới Cổ Đông đó trừ trường hợp việc mua lại Cổ Phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông.

Điều 18. Các đại diện được ủy quyền

- 18.1 Các Cổ Đông có quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử ra thì phải xác định cụ thể số Cổ Phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 18.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty. Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 18.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền không còn hiệu lực khi Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- i. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - iii. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- 18.4 Nếu Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Điều 18.3 trong vòng 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thì việc ủy quyền vẫn có hiệu lực.

Điều 19. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 19.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập họp theo các quy định tại các Điều 16.2, 16.3 và 16.4 của Điều Lệ này.
- 19.2 Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- (a) Lập danh sách các Cổ Đông có quyền dự họp và biểu quyết không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công ty phải công bố thông tin về việc chuẩn bị danh sách Cổ Đông có quyền tham gia họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (b) Chuẩn bị chương trình họp, nội dung, tài liệu cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp theo quy định của pháp luật và các quy định của Công Ty;
 - (c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và
 - (d) Gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đến tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
- 19.3 Thông báo mời họp và các tài liệu đính kèm phải được gửi cho tất cả các Cổ Đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ Đông có thể tiếp cận.
- 19.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Điều 14.3 Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

- 19.5 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 19.4 trong các trường hợp sau:
- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - (b) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (c) Các trường hợp khác không phù hợp pháp luật hiện hành.
- 19.6 Những quyết định được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với một trăm phần trăm (100%) số phiếu đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 20.1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện cho hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết.
- 20.2. Trường hợp không có đủ số lượng Cổ Đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) Cổ Phần có quyền biểu quyết.
- 20.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Cổ Đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay đại diện ủy quyền tham dự. Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại theo Điều 20.3 của Điều Lệ này có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lần thứ nhất.

Điều 21. Thể thức họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 21.1 Vào ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông có quyền dự họp sẽ được đăng ký dự họp.
- 21.2 Người đăng ký dự họp sẽ được cấp phiếu biểu quyết cho các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
- 21.3 Cổ Đông hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không phải dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

- 21.4 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội Đồng Quản Trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- 21.5 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 21.6 Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 21.7 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội Đồng Quản Trị cho là cần thiết. Trường hợp có Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 22.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thông qua bất kỳ quyết định nào thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 22.2 Tuân theo Điều 14.4, trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp thì:
- (a) Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về vấn đề quy định tại Điều 17.1(b), (d), (e), (i), (p), (t) và (u) được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp chấp thuận;
 - (b) Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề còn lại (bao gồm việc bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát) được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp chấp thuận.
- 22.3 Trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu tham gia biểu quyết chấp thuận. Phiếu tham gia biểu quyết được hiểu là phiếu lấy ý kiến do Công Ty gửi cho Cổ Đông, được Cổ Đông điền đầy đủ thông tin, nêu rõ ý kiến biểu quyết và gửi về Công Ty đúng thời hạn quy định.



Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo những quy định sau đây:

- 23.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại điều 22.3 của Điều Lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 23.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- 23.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
- 23.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Cổ Đông là cá nhân; của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức.

Điều 24. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Người chủ trì Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Ngôn ngữ chính của biên bản là tiếng Việt, biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Điều 14.3 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- 25.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 25.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể xem xét tổ chức lại Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 26.1. Hội Đồng Quản Trị gồm ba (03) đến mười một (11) thành viên được xác định bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông theo từng thời điểm.
- 26.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp một thành viên được bầu vào Hội Đồng Quản Trị (không phân biệt là bầu bổ sung hay thay thế), vào giữa nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên mới sẽ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.
- 26.3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị. Theo quy định tại Điều 148.3 Luật Doanh Nghiệp, thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu theo phương thức biểu quyết không dồn phiếu và tuân theo ngưỡng biểu quyết quy định tại Điều 22.2 và 22.3 của Điều lệ này. Tại mỗi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu, tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp đó đều có quyền biểu quyết số Cổ Phần thuộc sở hữu của Cổ Đông đó cho bao nhiêu ứng cử viên tương đương với số thành viên của Hội Đồng Quản Trị được bầu. Cổ Đông không được phân bổ tất cả số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên duy nhất và phải bỏ phiếu cho nhiều ứng cử viên riêng rẽ tương đương với số thành viên của Hội Đồng Quản Trị được bầu.
- 26.4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử.
- 26.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
 - (a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ nhiệm đến trụ sở chính của Công Ty;
 - (c) Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - (d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
 - (f) Thành viên đó vi phạm pháp luật, bị khởi tố theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 26.6. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội Đồng Quản Trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội Đồng Quản Trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại Hội Đồng Cổ Đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
- 26.7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 26.8. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không phải là người nắm giữ Cổ Phần của Công Ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 27.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 27.2. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác.
- 27.3. Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- (a) Quyết định chiến lược và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - (b) Đề xuất các loại Cổ Phiếu có thể phát hành và tổng số Cổ Phiếu phát hành theo từng loại;
 - (c) Quyết định chào bán Cổ Phần mới trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (d) Quyết định giá chào bán trái phiếu, Cổ Phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - (e) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng;
 - (f) Thông qua các giao dịch hoặc hợp đồng vay mượn, thế chấp, vay vốn, bảo lãnh, bồi thường của Công Ty; mua hoặc bán tài sản của Công Ty nếu tổng giá trị cộng dồn trong một năm tài chính của các giao dịch thuộc cùng một loại bằng hoặc vượt quá mười phần trăm (10%) nhưng không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty tùy từng thời điểm;

- (g) Thông qua các hợp đồng giữa Công Ty hay bất kỳ chi nhánh nào của Công Ty với bất kỳ bên nào quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh Nghiệp có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính đã kiểm toán gần nhất của Công Ty;
- (h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của người bị bãi nhiệm (nếu có);
- (i) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty; quyết định thành lập Công Ty Con, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn hoặc mua Cổ Phần;
- (j) Duyệt chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thực hiện các thủ tục thu thập ý kiến bằng văn bản đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định;
- (k) Trình báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (m) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- (n) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (o) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý Doanh Nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý Doanh Nghiệp đó;
- (p) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua Cổ Phiếu theo mức giá định trước;
- (q) Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (r) Bất kỳ hợp đồng hoặc giao dịch nào có liên quan đến một khoản vay hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) nhưng không vượt quá ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Công Ty, giữa Công Ty và một Cổ Đông nắm giữ ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết trở lên, hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó như quy định tại Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- (s) Việc mua hoặc bán cổ phần hoặc góp vốn, hoặc thực hiện bất cứ khoản đầu tư nào, hoặc mua bán các công ty không thuộc VNG Group, có giá trị mỗi giao dịch trên 1.000.000 USD (Một triệu Đô La Mỹ) nhưng không vượt quá ba

mười lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất;

- (t) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành Cổ Phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (u) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ Phần của Công Ty;
- (v) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết; và
- (w) Các quyền và nghĩa vụ khác do luật pháp, Điều Lệ Công Ty, và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định.

- 27.4. Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác thích hợp theo từng trường hợp và vấn đề cụ thể theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết. Văn bản chấp thuận sẽ có giá trị như được số phiếu thuận của các thành viên của Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định tại cuộc họp. Văn bản chấp thuận có thể được một hoặc nhiều thành viên ký xác nhận. Văn bản chấp thuận có thể được gửi bằng fax hoặc thư điện tử và được xác nhận bằng bản gốc sau đó, và được lưu tại trụ sở Công Ty.
- 27.5. Trừ khi luật pháp và Điều Lệ quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Quản Lý Doanh Nghiệp để quyết định các vấn đề theo chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và đại diện thực hiện các công việc thay mặt cho Công Ty.
- 27.6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình. Mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 27.7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua Cổ Phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty Con, Công Ty Liên Kết của Công Ty và các Công Ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công Ty.

Điều 28. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- 28.1. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 28.2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nhiệm vụ sau:
- (a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội Đồng Quản Trị dưới các hình thức khác nhau;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - (e) Chủ tọa họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (f) Thực hiện việc ghi nhận và sửa đổi các thông tin của các Cổ Đông trong sổ đăng ký Cổ Đông và chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát việc cấp Cổ Phiếu cho các Cổ Đông; và
 - (g) Có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 28.3. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các nhiệm vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo toàn quyền quyết định của mình. Trường hợp không có thành viên nào được ủy quyền, thì các thành viên còn lại sẽ chọn ra một người trong số các thành viên còn lại để tạm thời giữ chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 28.4. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 29.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.
- 29.2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày dự kiến họp. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
- 29.3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất ba (03) Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác;

- (b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị.
- 29.4. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 29.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) Ngày Làm Việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 29.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 29.5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
- 29.6. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.
- 29.7. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản bằng ngôn ngữ chính là tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội Đồng Quản Trị không thể dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- 29.8. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
- 29.9. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) hoặc biểu quyết từ xa.
- 29.10. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
- 29.11. Biểu quyết:
- (a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 29.11 (b), mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào số lượng

thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- 29.12. Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 29.13. Hội Đồng Quản Trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt (trên năm mươi phần trăm (50%)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là phiếu quyết định.
- 29.14. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội đàm trực tuyến bằng video hoặc cuộc gọi hội đàm giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- (a) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - (b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác.
- Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- Các quyết định được thông qua trong một cuộc hội đàm bằng một trong các hình thức nêu trên được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.
- 29.15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết, với chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị trên Nghị quyết bằng văn bản làm bằng chứng. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 29.16. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị có ngôn ngữ chính là tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp.

29.17. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Khi các tiểu ban này được thành lập, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền bổ nhiệm một thành viên vào mỗi tiểu ban.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, một Kế Toán Trưởng và các chức danh khác do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

31.1. Hội Đồng Quản Trị có quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc, ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.

31.2. Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- (a) Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- (c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm nhân sự trong Công Ty; quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- (d) Tuyển dụng lao động, quyết định mức lương, phụ cấp và thưởng (nếu có) đối với nhân viên trong Công Ty;
- (e) Định kỳ hàng năm, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh;
- (f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- (g) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức và phương án xử lý lỗ trong kinh doanh; và

- (i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và quy định pháp luật.
 - (j) Quyết định việc tổ chức, tinh chỉnh, hoặc tái cấu trúc cơ cấu quản lý theo phòng, ban của Công Ty, bao gồm việc thành lập, giải thể, điều động nhân sự của các phòng, ban đó.
- 31.3. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 31.4. Tổng Giám Đốc sẽ bổ nhiệm một hoặc một số cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Phó Tổng Giám Đốc để hỗ trợ việc quản lý và vận hành của một hoặc một số lĩnh vực kinh doanh của Công Ty. Các Phó Tổng Giám Đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc và trước pháp luật khi thực hiện các nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc giao phó. Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc được gọi chung là Ban Tổng Giám Đốc.
- 31.5. Trong trường hợp vị trí Tổng Giám Đốc bị khuyết vì bất kỳ lý do nào liên quan đến quản lý, Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định một trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị và/hoặc thành viên của Ban Tổng Giám Đốc tạm thời tiếp nhận và thực thi các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám Đốc như quy định tại Điều Lệ này. Việc chỉ định sẽ duy trì hiệu lực cho đến khi Tổng Giám Đốc mới được bổ nhiệm hợp lệ bởi Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ Sửa Đổi này.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban Kiểm Soát

- 32.1. Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm Soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công Ty Kiểm Toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán Báo Cáo Tài Chính của Công Ty. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 32.2. Thành viên Ban Kiểm Soát không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty nhưng phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (a) Từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - (b) Không phải là vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội Đồng Quản Trị, hoặc Tổng Giám Đốc và người quản lý khác; và
 - (c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty.

- 32.3. Các thành viên Ban Kiểm Soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;
 - (b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát; và
 - (c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 32.4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần phổ thông có quyền đề cử người vào Ban Kiểm Soát.
- 32.5. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử.
- 32.6. Theo quy định tại Điều 148.3 Luật Doanh Nghiệp, các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu theo phương thức biểu quyết không cộng dồn và tuân theo ngưỡng biểu quyết quy định tại Điều 22.2 và 22.3 của Điều lệ này. Tại mỗi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà thành viên Ban Kiểm Soát sẽ được bầu, tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp đó đều có quyền biểu quyết số Cổ Phần thuộc sở hữu của Cổ Đông đó cho số ứng cử viên tương đương với số thành viên Ban Kiểm Soát được bầu chọn. Cổ Đông không được phân bổ tất cả số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên và phải bỏ phiếu cho nhiều ứng cử viên riêng rẽ tương đương với số thành viên Ban Kiểm Soát được bầu chọn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là năm (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp một thành viên được bầu vào Ban Kiểm Soát (không phân biệt là bầu bổ sung hay thay thế) ở giữa nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát.
- 32.7. Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;
 - (b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công Ty;
 - (c) Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - (d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng không được sự chấp thuận của Ban Kiểm Soát;
 - (e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 33. Ban Kiểm Soát

33.1. Ban Kiểm Soát có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- (a) Giám sát Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty; chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- (b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh và trong tổ chức công tác thống kê, kế toán và lập Báo Cáo Tài Chính;
- (c) Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, Báo Cáo Tài Chính hàng năm và các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Trình báo cáo thẩm định Báo Cáo Tài Chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công Ty và trình báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
- (e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các hoạt động quản lý và điều hành của Công Ty vào bất kỳ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số Cổ Phần phổ thông của Công Ty. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát không được cản trở các hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị và không được gây gián đoạn điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
- (f) Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi và cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (g) Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này thì Ban Kiểm Soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt việc vi phạm đó và có giải pháp khắc phục hậu quả; và
- (h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

33.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát.

33.3. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị nếu có, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 35.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 35.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 35.3. Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác và những Người Có Liên Quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.
- 35.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý Doanh Nghiệp hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan;
 - (b) Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo Cáo Tài Chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích

của Người Quản Lý Doanh Nghiệp hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

- (c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các Cổ Đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác và những Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 36.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 36.2. Công Ty sẽ đền bù cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- 36.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để được bồi thường trong những trường hợp rủi ro nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 37.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số Cổ Phần phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ Đông, các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại văn phòng của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- 37.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý Doanh Nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 37.3. Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, Báo Cáo Tài Chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính, hoặc địa điểm kinh doanh.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38. Phân phối lợi nhuận

- 38.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận của Công Ty, hoặc không chia cổ tức và sử dụng vào mục đích khác.
- 38.2. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.
- 38.3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ Phiếu.
- 38.4. Hội Đồng Quản Trị có thể đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng Cổ Phiếu.
- 38.5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, Cổ Phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 38.6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng, Quỹ dự trữ

- 39.1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 39.2. Trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

- 39.3. Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, đã thanh toán các nghĩa vụ khác về tài sản đến hạn phải trả, Công Ty sẽ trích lập các Quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 40. Năm Tài Chính

Năm Tài Chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 41. Chế độ kế toán

- 41.1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 41.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 41.3. Công Ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 42 . Báo Cáo Tài Chính

- 42.1. Công Ty phải lập bản Báo Cáo Tài Chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi Năm Tài Chính, Công Ty phải nộp Báo Cáo Tài Chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan khác theo yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- 42.2. Báo Cáo Tài Chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi lỗ của Công Ty trong Năm Tài Chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo Cáo Tài Chính.
- 42.3. Các Báo Cáo Tài Chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) của Công Ty phải được công bố theo các quy định của pháp luật.

Điều 43. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 44. Kiểm toán

- 44.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định một Công Ty Kiểm Toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công Ty Kiểm Toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho Năm Tài Chính tiếp theo. Công Ty phải chuẩn bị và gửi Báo Cáo Tài Chính năm cho Công Ty Kiểm Toán độc lập sau khi kết thúc Năm Tài Chính.
- 44.2. Công Ty Kiểm Toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo Cáo Tài Chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính.

XVI. CON DẤU

Điều 45. Con dấu

- 45.1. Con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 45.2. Công Ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 46. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức Công Ty

Công Ty sẽ thực hiện các thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- (a) Tòa án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- (b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
- (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Thanh lý

- 48.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động theo quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một Công Ty Kiểm Toán độc lập.
- 48.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt

Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

48.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- (a) Các chi phí thanh lý;
- (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- (c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay (nếu có);
- (e) Các khoản nợ khác của Công Ty.

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các Cổ Đông. Các Cổ Phần ưu đãi, nếu có, được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

49.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, Luật Doanh Nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- (a) Cổ Đông với Công Ty; hoặc
- (b) Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý Doanh Nghiệp cao cấp.

các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội Đồng Quản Trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

49.2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài.

49.3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

- 50.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.
- 50.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

XX. HIỆU LỰC

Điều 51. Hiệu lực của Điều lệ

Điều Lệ Sửa Đổi này gồm hai mươi (20) Chương, năm mươi một (51) Điều sửa đổi, thay thế bản Điều Lệ cũ được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG thông qua ngày 30/6/2016, sửa đổi vào ngày 24/06/2022. Điều Lệ Sửa Đổi này được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG thông qua ngày 21/6/2025.

Các vấn đề liên quan đến quyền của Cổ Đông tại từng thời điểm mà không được quy định trong Điều Lệ này sẽ được điều chỉnh bởi các thỏa thuận đang có hiệu lực giữa Công Ty và Cổ Đông hoặc/và giữa các Cổ Đông với nhau (“Thỏa Thuận”).

Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản trong Điều Lệ Sửa Đổi này và Thỏa Thuận, thì điều khoản trong Thỏa Thuận sẽ được áp dụng. Với điều kiện các quy định của Thỏa Thuận vẫn còn hiệu lực, Công Ty sẽ giải quyết các vấn đề nêu trên theo quy định của Thỏa Thuận. Điều Lệ Sửa Đổi này được lập thành bốn (04) bản (tiếng Việt và tiếng Anh), có giá trị như nhau, trong đó:

- (a) Hai (02) bản tiếng Việt đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- (b) Hai (02) bản tiếng Việt và bản tiếng Anh lưu giữ tại văn phòng của Công Ty.

Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của:

- (a) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị; hoặc
- (b) Tối thiểu hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị; hoặc
- (c) Người đại diện pháp luật; hoặc
- (d) Người được ủy quyền của người đại diện pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VNG
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VNG được cấp lần đầu ngày 09/09/2004

STT	TÊN CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	QUỐC TỊCH	NƠI ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	SỐ CỔ PHẦN
1	LÊ HỒNG MINH	Việt Nam	260 Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3	262.500
2	CAO TOÀN MỸ	Việt Nam	476/234A 1/6 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình	75.000
3	TRỊNH BẢO	Việt Nam	5B Đinh Bộ Lĩnh, Phường 5, Quận Bình Thạnh	75.000
4	NGUYỄN THANH BÌNH	Việt Nam	191B Đoàn Hoàng Vinh, Phường 5, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	37.500